



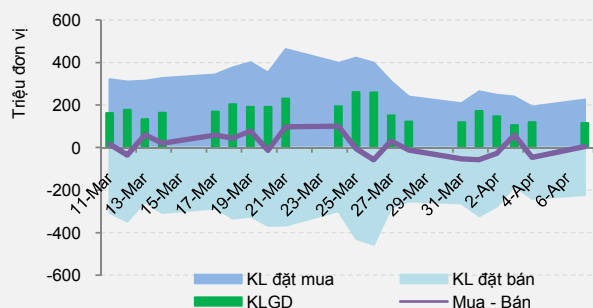
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 7/4/2014

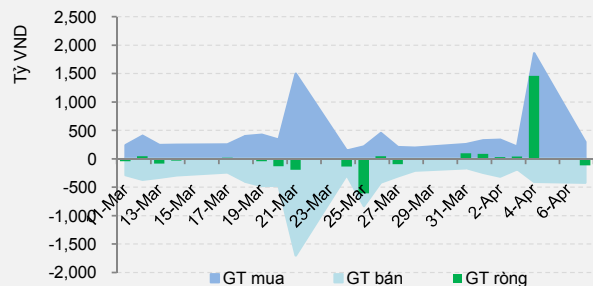
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	600.6	87.3
% Thay đổi	↑ 1.3%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	115,651,254	72,786,416
GTGD (tỷ đồng)	2,384.77	801.39
Tổng cung (CP)	221,450,610	108,761,700
Tổng cầu (CP)	226,073,870	111,673,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	8,620,520	650,090
KL mua (CP)	6,979,130	1,405,430
GTmua (tỷ đồng)	303.76	21.37
GT bán (tỷ đồng)	418.13	11.96
GT ròng (tỷ đồng)	(114.37)	9.41

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nghành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.78%	9.7	2.3	3.0%
Công nghiệp	↑ 0.53%	222.9	1.3	16.3%
Dầu khí	↑ 2.66%	9.1	2.0	5.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.39%	14.5	1.9	1.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.18%	11.6	3.3	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.49%	13.3	5.0	12.0%
Ngân hàng	↓ -0.14%	15.6	1.4	4.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.77%	13.3	2.2	13.3%
Tài chính	↑ 0.68%	15.0	2.5	38.1%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 3.17%	12.0	4.3	5.1%
VN - Index	↑ 1.27%	14.8	3.2	74.9%
HNX - Index	↑ 0.65%	20.3	1.7	25.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,379,210	1.2%	382,710	0.3%
GTGD (triệu VND)	59,508	1.7%	13,036	0.4%

TIẾP PHIÊN TĂNG ĐIỂM TỪ NGƯỠNG HỖ TRỢ - DÒNG TIỀN QUAN TÂM NHÓM CỔ PHIẾU BLUECHIPS VỐN HÓA LỚN

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp, bật lên từ mốc hỗ trợ đường biên dưới của dải Bollinger Bands và đường MA50 ngày. Chỉ số HNX-Index cũng tiếp tục diễn biến phục hồi kỹ thuật, phản ứng với mốc hỗ trợ 85 điểm. Đà tăng điểm của chỉ số chung được hỗ trợ chủ yếu từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt tại sàn HOSE. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có diễn biến tích cực sau thông tin về thị phần môi giới trên hai sàn. Đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường khá tích cực, dù mức độ tăng của đa số cổ phiếu không nhiều.

Chỉ số VN-Index dự báo tiếp tục được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu lớn. Ngưỡng cản kỹ thuật của VN-Index là khoảng 610 điểm, tương đương mức đỉnh cao nhất đã thiết lập trong ngày 24/3/2014. Ngưỡng cản kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 89-90 điểm, tương đương đường MA 12 ngày. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo diễn ra rõ nét hơn, dựa trên kỳ vọng thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự báo kém tích cực hơn thị trường chung.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC. Quyết định mua mới cổ phiếu đã tăng nóng là rủi ro với quan điểm ngắn hạn, khi diễn biến tăng giá của chỉ số chung chịu ảnh hưởng bởi một nhóm nhỏ cổ phiếu vốn hóa.

- Chỉ số VN-Index tăng 7.75 điểm (1.27%), lên 600.57 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 602.55 điểm.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.56 điểm (0.64%), lên 87.32 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- Theo Bộ Tài chính, trong tháng 3 thu ngân sách đạt 57.950 tỷ đồng, giảm 10.610 tỷ đồng so với số thu bình quân 2 tháng đầu năm. Nguyên nhân do thu nội địa tháng 3 ước đạt 37.000 tỷ đồng, giảm tới 11.340 tỷ đồng so với số thu bình quân 2 tháng đầu năm. Thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu vẫn duy trì tương đương mức thu hai tháng đầu năm, tăng khá so với cùng kỳ. Diễn biến này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ thị trường nội địa còn khó khăn.

- Về nhiệm vụ chỉ, tổng chỉ NSNN tháng 3 tăng 5.4% so với cùng kỳ, tuy nhiên chỉ đầu tư phát triển giảm gần 5% so với cùng kỳ năm 2013. Chỉ đầu tư phát triển - nhân tố giữ vai trò quan trọng đến tăng trưởng kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh đầu tư tư nhân còn yếu như hiện nay - giảm so với cùng kỳ là tín hiệu kém tích cực. Trong phiên họp thường kỳ tháng 3, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo đẩy nhanh giải ngân chỉ đầu tư phát triển, xử lý nợ xây dựng cơ bản, bên cạnh việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

- Vụ phát triển thị trường thuộc UBCKNN cho biết trong tuần này, UBCK sẽ ký ban hành quyết định cho phép các tài khoản môi giới tổng của NĐTNN được mua bán trên cùng tài khoản. UBCK cũng sẽ có hướng xem xét triển khai sản phẩm thanh toán T+2, nhằm rút ngắn thời gian thanh toán, tăng hiệu quả đầu tư trên TTCK. UBCKNN cũng lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân và các thành viên thị trường về Dự thảo Thông tư hướng dẫn Quyết định thay thế Quyết định số 55 về tỷ lệ tham gia của NĐTNN trên TTCK Việt Nam (room), với thời hạn lấy ý kiến là trước ngày 30/4/2014.



VN-INDEX



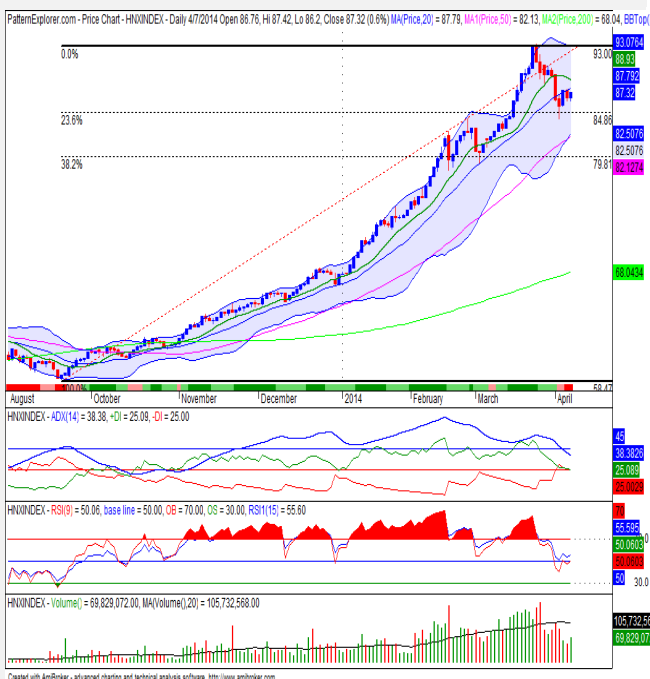
Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- Chỉ số VN-Index tăng 7.75 điểm (1.27%), lên 600.57 điểm. Mức cao nhất trong phiên là 602.55 điểm.

- KLGD tăng 17% so với phiên giao dịch trước, lên 108 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 59 điểm, tâm lý nhà đầu tư có cải thiện. MACD 9 thu hẹp khoảng cách phía dưới đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tiếp tục phiên tăng điểm thứ 3 liên tiếp, bật lên từ mốc hỗ trợ đường biên dưới của dải Bollinger Bands và đường MA50 ngày. Đà tăng điểm của chỉ số chung được hỗ trợ chủ yếu từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có diễn biến tích cực sau thông tin về thị phần môi giới trên hai sàn. Đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường khá tích cực, dù mức độ tăng của đa số cổ phiếu không nhiều.

Chỉ số VN-Index dự báo tiếp tục được hỗ trợ từ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Ngưỡng cản kỹ thuật của VN-Index là khoảng 610 điểm, tương đương mức đỉnh cao nhất đã thiết lập trong ngày 24/3/2014. Sự phân hóa cổ phiếu dự báo diễn ra rõ nét hơn, dựa trên kỳ vọng thông tin hỗ trợ mùa ĐHCĐ. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng dự báo kém tích cực hơn thị trường chung.

Nhà đầu tư DUY TRÌ TRẠNG THÁI DANH MỤC. Quyết định mua mới cổ phiếu đã tăng nóng trong thời điểm hiện tại là rủi ro với quan điểm ngắn hạn, khi diễn biến tăng giá của chỉ số chung chịu ảnh hưởng bởi một nhóm nhỏ cổ phiếu vốn hóa.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.56 điểm (0.64%), lên 87.32 điểm, sát mức cao nhất trong phiên. Mức thấp nhất trong phiên là 86.2 điểm.

- KLGD tăng khá mạnh 28% so với phiên trước, lên 69 triệu đơn vị nhưng vẫn thấp hơn khá nhiều mức trung bình 21 ngày.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 54 điểm, tâm lý nhà đầu tư có cải thiện nhưng vẫn thận trọng. MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía dưới đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng điều chỉnh giảm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp tục diễn biến phục hồi kỹ thuật, phản ứng với mốc hỗ trợ 85 điểm. Mức độ phục hồi của HNX-Index thấp hơn VN-Index khi dòng tiền có xu hướng quan tâm hơn đến nhóm cổ phiếu Bluechips vốn hóa lớn thuộc sàn HOSE. Tuy nhiên, đà tăng giá của nhóm cổ phiếu chứng khoán - cổ phiếu vẫn mang tính dẫn dắt dòng tiền - giúp độ rộng thị trường khá tích cực, dù mức độ tăng của đa số cổ phiếu không nhiều.

Chỉ số HNX-Index phục hồi khá khi tiếp cận ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật cho tín hiệu về lực cầu bắt đáy. Ngưỡng cản kỹ thuật của HNX-Index là khoảng 89-90 điểm, tương đương đường MA 12 ngày.

Diễn biến phục hồi không đi kèm với cải thiện thanh khoản chưa cho tín hiệu đủ tích cực về kỹ thuật. Thị trường vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh giảm sau thời gian tăng nóng. Mốc hỗ trợ gần nhất của HNX-Index là +/-85 điểm.

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SD7	HNX	343.78	236.0%	4.7	47100.0%	760.25	-5.1%	7.97	142.4%	17.1%	2.87
2	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.20
3	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.11
4	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.08
5	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.56
6	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
7	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
8	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91
9	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	15.73
10	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	2.19

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	DHC	HOSE	135.56	26.0%	9.35	91.6%	454.35	33.3%	27.05	1165.0%	158.7%	1.12
2	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
3	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.50
4	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
5	FDC	HOSE	194.57	627.4%	240.48	2999.0%	244.3	55.9%	254.58	752.0%	636.5%	0.16
6	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	49.00
7	SCL	HNX	93.23	857.2%	22.19	382.3%	213.26	217.7%	37.57	547.8%	225.6%	-
8	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.22
9	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	5.15
10	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	18.91

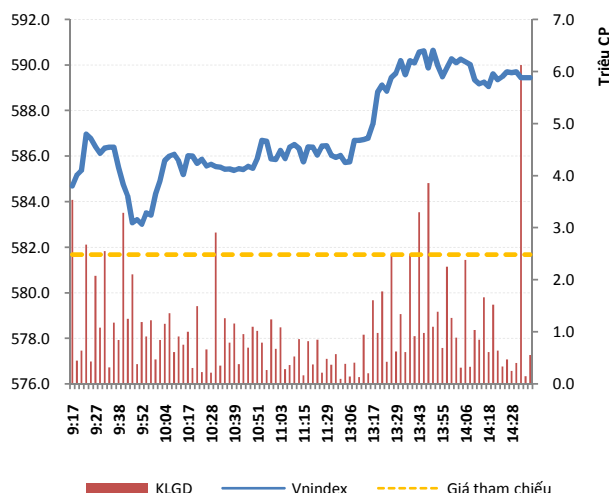
TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.51
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.99
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	29.86
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.57
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.65
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.57
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.65
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.40
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.94
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.19

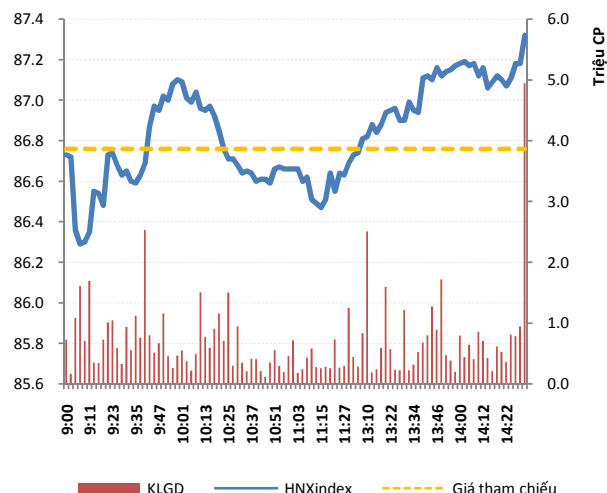
Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 02/04/2014

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

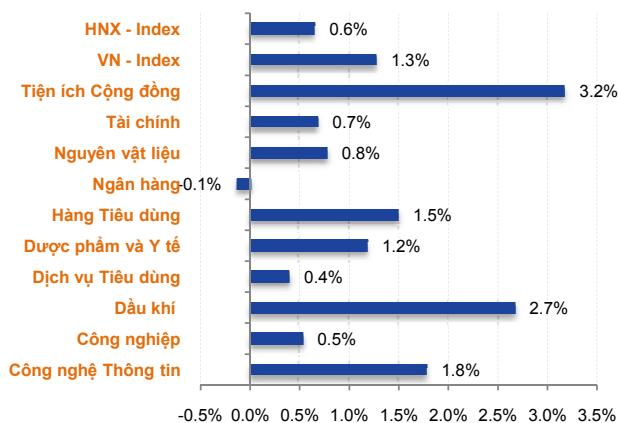
KLGD và VN-Index trong phiên



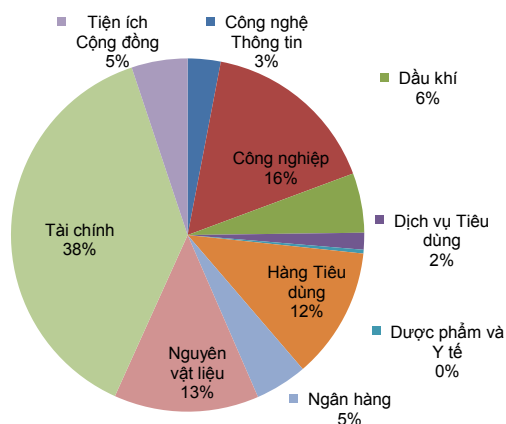
KLGD và HNX-Index trong phiên



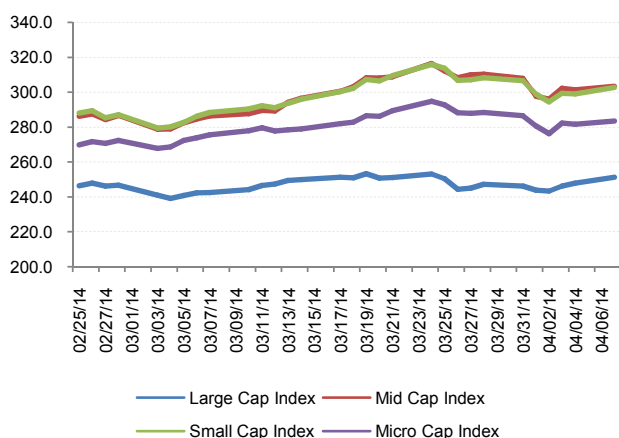
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



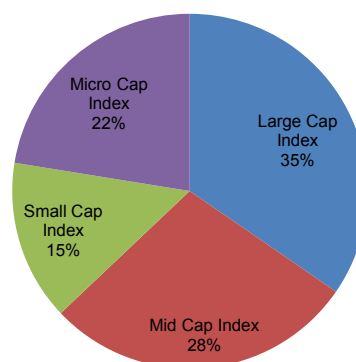
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VHC	311,210	DPM	2,847,190
2	DIG	273,210	HAG	503,570
3	GAS	264,800	VIC	290,790
4	PVT	226,220	HPG	287,910
5	BID	194,000	TRC	226,700

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVX	259,000	VND	90,100
2	VCG	205,600	SHB	60,000
3	BVS	110,400	KHL	36,600
4	IVS	100,000	PVC	30,000
5	KLS	75,010	CVT	7,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	14.9	15.9	↑ 6.71%	15,657,390
ITA	10.1	10.2	↑ 0.99%	7,753,460
DPM	42.5	41.9	↓ -1.41%	4,135,350
HAG	28.8	28.9	↑ 0.35%	3,447,520
TCO	13.3	14.2	↑ 6.77%	3,382,510

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.4	6.4	→ 0.00%	15,677,300
SHB	10.7	10.9	↑ 1.87%	5,592,232
SCR	10.6	10.8	↑ 1.89%	5,188,975
KLS	14.3	14.6	↑ 2.10%	4,410,400
VND	18.0	18.7	↑ 3.89%	3,584,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
OPC	64.5	69.0	4.5	↑ 6.98%
SSC	42.0	44.9	2.9	↑ 6.90%
VHG	10.2	10.9	0.7	↑ 6.86%
PDN	35.1	37.5	2.4	↑ 6.84%
TCO	13.3	14.2	0.9	↑ 6.77%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJ1	16.8	18.5	1.7	↑ 10.12%
SMT	22.0	24.2	2.2	↑ 10.00%
CTB	22.0	24.2	2.2	↑ 10.00%
VIE	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
HUT	13.2	14.5	1.3	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTL	4.3	4.0	-0.3	↓ -6.98%
CNT	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
ST8	22.3	20.8	-1.5	↓ -6.73%
PDR	12.0	11.2	-0.8	↓ -6.67%
VLF	7.5	7.0	-0.5	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LBE	14.4	13.0	-1.4	↓ -9.72%
DL1	9.3	8.4	-0.9	↓ -9.68%
GGG	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%
HPS	5.2	4.7	-0.5	↓ -9.62%
L14	10.4	9.4	-1.0	↓ -9.62%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	15,657,390	8.1%	1,125	14.1	1.2
ITA	7,753,460	1.3%	140	72.8	0.9
DPM	4,135,350	23.4%	5,644	7.4	1.7
HAG	3,447,520	7.5%	1,287	22.5	1.6
TCO	3,382,510	15.1%	1,898	7.5	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	15,677,300	0.0%	(4,057)	-	2.4
SHB	5,592,232	8.6%	958	11.4	0.9
SCR	5,188,975	0.4%	53	203.7	0.7
KLS	4,410,400	5.5%	716	20.4	1.1
VND	3,584,000	10.8%	1,247	15.0	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
OPC	↑ 7.0%	16.0%	4,396	15.7	2.4
SSC	↑ 6.9%	27.1%	5,160	8.7	2.2
VHG	↑ 6.9%	20.9%	2,213	4.9	0.9
PDN	↑ 6.8%	16.8%	5,453	6.9	1.1
TCO	↑ 6.8%	15.1%	1,898	7.5	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SJ1	↑ 10.1%	8.3%	2,048	-	0.9
SMT	↑ 10.0%	20.0%	2,596	9.3	1.8
CTB	↑ 10.0%	16.1%	3,096	7.8	1.2
VIE	↑ 10.0%	0.0%	(2,589)	-	0.4
HUT	↑ 9.8%	1.9%	232	62.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	311,210	11.3%	2,631	12.7	1.4
DIG	273,210	2.3%	381	47.8	1.1
GAS	264,800	40.6%	6,484	13.8	5.1
PVT	226,220	8.9%	1,029	15.5	1.3
BID	194,000	13.8%	1,547	10.9	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	259,000	0.0%	(4,057)	-	2.4
VCG	205,600	9.1%	1,123	14.1	1.2
BVS	110,400	7.3%	1,188	14.8	1.0
IVS	100,000	0.7%	72	145.2	1.0
KLS	75,010	5.5%	716	20.4	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	169,603	40.6%	6,484	13.8	5.1
VNM	123,353	39.6%	7,839	18.9	7.0
VCB	72,767	10.4%	1,881	16.7	1.7
MSN	69,449	3.2%	642	147.2	4.8
VIC	66,340	54.2%	7,405	9.9	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,574	6.6%	889	19.0	1.2
PVS	13,401	21.6%	3,707	8.1	1.6
SHB	9,658	8.6%	958	11.4	0.9
SQC	8,602	0.0%	(249)	-	6.5
VCG	6,979	9.1%	1,123	14.1	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.24	0.6%	62	70.8	0.5
MDG	2.56	1.0%	168	39.3	0.4
CDC	2.55	0.8%	142	67.6	0.6
NKG	2.53	17.1%	1,734	8.0	1.3
TCM	2.35	18.2%	2,511	11.2	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GGG	4.37	0.0%	(7,049)	-	-
TTZ	4.28	0.3%	28	248.0	0.6
VCV	4.17	0.0%	(4,637)	-	3.1
HHL	3.84	0.0%	(1,115)	-	2.9
PVL	3.60	0.0%	(628)	-	0.5



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)